

Tổng giá phụ thu Tết SG

**CÔNG TY TNHH KINH DOANH
VẬN TẢI SƠN TÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/ST-VT

V/v kê khai phụ thu giá vé (cước) vận tải hành khách bằng xe ô tô tuyến cố định trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026.

Quy Nhơn, ngày 19 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 và Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH kinh doanh vận tải Sơn Tùng gửi Bảng kê khai mức giá hàng hóa, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến ngày 04/03/2026 (Nhằm ngày 16 tháng chạp năm Ất Tỵ đến hết ngày 16/01AL năm Bính Ngọ);

Công ty TNHH kinh doanh vận tải Sơn Tùng xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC**



Trần Sơn Tùng

- Họ và tên người nộp văn bản:
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Số 234 Tây Sơn, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai
- Số điện thoại liên lạc: 0905693539
- Email: phongketoansontung@gmail.com
- Số fax:

**GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ
CỦA CƠ QUAN TIẾP NHẬN**

(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH GIA LAI	
ĐẾN	Số: 3107
	Ngày: 21/01/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu hồ sơ:	

Quy Nhơn, ngày 19 tháng 01 năm 2026

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 02/ST-VT ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH kinh doanh vận tải Sơn Tùng về kê khai phụ thu giá vé (cước) vận tải hành khách bằng xe ô tô tuyến cố định trong dịp Tết Nguyên đán Bình Ngô năm 2026).

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
-----	-----------------------	---------------------------------------	-------------	-----------------------------	---	--------------------	------------------------------------	---------------------------------------	---	---------

Tuyến Bình Định - Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại

1	Cước vận tải hành khách đường bộ bằng Ô tô	Chiều từ Thành phố Hồ Chí Minh về Gia Lai	Đồng	Bán lẻ	650.000	910.000	- Từ ngày 03/02/2026 đến hết ngày 05/02/2026 (Năm ngày 16 tháng chạp đến hết ngày 18 tháng chạp năm Ất Tỵ); - Từ ngày 06/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026 (Năm ngày 19 tháng chạp năm Ất Tỵ đến hết ngày 03/01/14L năm Bình Ngô)	260.000	40%	Giường phòng (24,34) Giường phòng (24,34)
2	Cước vận tải hành khách đường bộ bằng Ô tô	Chiều từ Gia Lai đi thành phố Hồ Chí Minh	Đồng	Bán lẻ	650.000	650.000	- Từ ngày 17/02/2026 đến hết ngày 19/02/2026 (Năm ngày 01/01/14L đến hết ngày 03/01/14L năm Bình Ngô); - Từ ngày 20/02/2026 đến hết ngày 04/03/2026 (Năm ngày 04/01/14L đến hết ngày 16/01/14L năm Bình Ngô);	0	0%	Giường phòng (24,34) Giường phòng (24,34)

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Thị trường xuất khẩu	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
-----	-----------------------	---------------------------------------	----------------------	-------------	---	--------------------	------------------------------------	---------------------------------------	---	---------

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: Giá kỳ này tăng trong khoảng thời gian phục vụ tết là do các nguyên nhân:

- Phụ thu giá cho chiều rỗng (xe vận chuyển khách được 01 chiều, chiều ngược lại không có khách trong giai đoạn trước và sau tết 15 ngày)

- Các yếu tố cấu thành chi phí đều tăng trong giai đoạn kê khai cụ thể: Lương tăng 300% trong các ngày lễ, tết, tất cả các chi phí dịch vụ kèm theo đều tăng trong các ngày cuối năm và đầu năm.

4. Giá đã bao gồm thuế GTGT 8% tại thời điểm kê khai.

Phường Quy Nhơn Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2026

PHƯƠNG ÁN GIÁ

Tên dịch vụ: **Vận tải hành khách tuyến cố định Gia Lai đi TP.HCM và ngược lại**

Đơn vị cung ứng: Công Ty TNHH Kinh Doanh Vận Tải Sơn Tùng.

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ: Xe giường nằm 24 giường. Cự ly: 640 km

STT	Nội dung chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng tính giá (Q)	Vé	15,600,000	Giá định xe hoạt động chỉ đạt 100% công suất thiết kế của 1 lượt đi hoặc về /1 chuyến trong các ngày tết nguyên đán. Sản lượng Q = 24 giường * 650.000 đồng/vé. (Giá vé đã bao gồm thuế GTGT 8%) giá trước thuế 601.852 đồng.
B	Chi phí sản xuất, kinh doanh		23,067,850	
I	Chi phí trực tiếp:	Đồng/chuyến	17,059,966	
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	Đồng/chuyến	8,418,432	
1.a	Chi phí Dầu Diesel 0,001S	Đồng/chuyến	7,024,512	Giá Dầu diesel 0,001S = 16.630 đồng/lít (chưa gồm VAT 10%)
1.b	Chi phí nhiên liệu phụ (Nhớt máy)	Đồng/chuyến	1,393,920	chiếm 5% nguyên liệu chính. Nhớt máy Mobil 15W40 giá trước thuế 66.000 đồng/lít
2	Chi phí nhân công trực tiếp và phụ cấp ăn ca	Đồng/chuyến	6,675,000	
2.a	Lái xe	Đồng/chuyến	4,650,000	Mỗi chuyến xe gồm 2 lái xe
2.b	Nhân viên phục vụ xe khách	Đồng/chuyến	1,725,000	1 nhân viên phục vụ.
2.c	Tiền ăn giữa ca	Đồng/chuyến	300,000	
3	Chi phí khấu hao máy móc thiết bị	Đồng/chuyến	1,228,168	Nguyên giá/số năm hoạt động/12 tháng/30 ngày
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở mục 1,2,3)	Đồng/chuyến	738,366	Gồm: Bình Ấc quy, Lốp xe, Cước Wifi, Cước điện thoại)
II	Chi phí chung	Đồng/chuyến	6,007,884	
5	Chi phí sản xuất chung	Đồng/chuyến	3,639,759	
5.a	Chi phí bến bãi	Đồng/chuyến	710,000	Chi phí lệnh xuất bến Quy Nhơn và lệnh xuất bến Miền Tây

5.b	Chi phí cầu đường	Đồng/chuyến	1,200,000	Gồm 5 Trạm BOT
5.c	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	Đồng/chuyến	640,000	(số km chạy trong ngày * số ngày chạy trong năm * 1.000đồng/km)/12tháng/30ngày
5.d	Chi bảo hiểm vật chất xe	Đồng/chuyến	237,006	Chi bảo hiểm xe (BHVC + BHTNDS)
5.e	Chi phí lưu hành, kiểm định và phí đường bộ	Đồng/chuyến	13,883	Phí đăng kiểm + phí đường bộ
5.g	Chi tiền khăn lạnh và nước uống	Đồng/chuyến	487,200	Khăn lạnh, nước uống đóng chai và nước yến/người
5.h	Chi phí thiết bị GSHT+Camera	Đồng/chuyến	20,782	Đầu ghi hình, camera, thiết bị GSHT, thẻ nhớ và phí Dịch vụ truyền dẫn
5.i	Chi phí chung khác	Đồng/chuyến	330,887	Mục (5a+5b+5c+5d+5e+5h)*10%
6	Chi phí tài chính	Đồng/chuyến	1,276,125	75% Giá trị TSCĐ*1.025%/tháng/30 ngày
7	Chi phí bán hàng	Đồng/chuyến	312,000	Chi phí bán hàng = (2.0%/D.thu)
8	Chi phí quản lý	Đồng/chuyến	780,000	Chi phí Quản lý = (5%/D.thu)
C	Lợi nhuận dự kiến		-7,467,850	

II . GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ

- 1 Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp
 - 1.a Chi phí Dầu Diesel 0,001S: Định mức 33lít/100km = $(33/100)*640\text{km}*2\text{lượt}$
= 423lít/chuyến * 16.630 đồng/lít
 - 1.b Chi phí nhiên liệu phụ (5% NLC) = $(33/100*640\text{km}*2\text{lượt}) * 5\% * 66.000\text{đồng/lít}$ Nhớt máy
- 2 Chi phí nhân công trực tiếp và phụ cấp ăn ca
 - 2.a Lái xe: $(2 \text{ tài xế} * 1.550.000\text{đ}/\text{chuyến})*150\%/chuyến$
 - 2.b Nhân viên phục vụ: $(1 \text{ NVPV} * 1.150.000\text{đ}/\text{chuyến})*150\%/chuyến$
 - 2.c Tiền ăn giữa ca: $3 \text{ người} * 300.000\text{đ}/\text{người}$
- 3 Chi phí khấu hao (Nguyên giá/10 năm/12 tháng/30 ngày) = $4.421.405.970/10/12/30$
- 4 Chi phí sản xuất, kinh doanh (chưa tính ở mục 1,2,3) theo đặc thù

Bình ắc quy (2 bình/xe) = $2*3275000\text{đồng}/8 \text{ tháng}/30 \text{ ngày}$

Xăm lốp (6 chiếc/xe) = $(6.590.741 * 6)/2\text{tháng}/30 \text{ ngày}$

Tiền cước Wifi = 700.000 đồng/tháng/30

Cước điện thoại: 860.000 đồng/tháng/30
- 5 Chi phí sản xuất chung
 - 5.a Chi phí lệnh xuất bến = (Bến QN: 330.000 + Bến Miền Tây: 380.000)/lần xuất bến.
 - 5.b Chi phí cầu đường 5 trạm: 1.200.000đồng/lượt đi và về

- 5.c Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa = $(640 \times 2 \times 360 \times 1000) / 12 / 30$
- 5.d Chi bảo hiểm xe (BHVC + BHTNDS) = $(79935000 + 5387300) / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}$
- 5.e Chi phí lưu hành, kiểm định và phí đường bộ = $(4654000 + 344000) / 12 / 30$
- 5.g Chi tiền khăn lạnh, nước uống và nước yến = $(48 \times 2850 \text{đ/chai laSante} + 48 \times 500 \text{đ/khăn} + 48 \times 6.800 \text{đ/Lon Yến})$
- 5.h Đầu ghi: $((7.565.000 / 3 \text{ năm} / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}) + \text{Cam}((750.000 \times 4) / 2 \text{ tháng} / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}) + \text{Phí truyền dẫn} (1.210.000 / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}) + \text{TĐGSHT: } (1.800.000 / 3 \text{ năm} / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}) + (\text{Phí } 1.200.000 / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}) + \text{Thẻ nhớ: } 450.000 / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày})$
- 5.i Chi phí chung khác (Mục 5a+5b+5c+5d+5e+5h)*10%
- 6 Chi phí TC(75% Giá trị TSCĐ*1.025%/tháng/30 ngày)= $(4980000000 \times 75\% \times 1.025\%) / 30$
- 7 Chi phí bán hàng $(2.0\% \times \text{D.thu}) = (500.000 \text{đ/vé} \times 24 \text{ vé} \times 2 \text{ lượt}) \times 2.0\%$
- 8 Chi phí quản lý $(5\% \times \text{D.thu}) = (500.000 \text{đ/vé} \times 24 \text{ vé} \times 2 \text{ lượt}) \times 5\%$

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN:

1. Giả định xe hoạt động chỉ đạt 100% công suất thiết kế của 1 lượt đi hoặc về /1 chuyến trong các ngày tết nguyên đán. Chiều ngược lại sẽ là chiều rỗng, thì sản lượng tính giá (Q):

$$Q = 24 \text{ giường} \times 650.000 \text{ đồng/vé} = 15.600.000 \text{ đ (đã bao gồm thuế GTGT 8\%)}$$

Doanh thu/chuyến = 14.444.444 đồng (Giá trước thuế)

2. Chi phí sản xuất kinh doanh trong giai đoạn cuối năm âm lịch (giáp tết) tất cả các dịch vụ như chi phí bảo dưỡng, bảo trì cũng như các dịch vụ khác đều tăng. Trong đó, đặc biệt là chi phí nhân công (Lái, phụ xe). Theo Bộ luật Lao động 2019 và các quy định hướng dẫn, mức lương/ngày khi làm việc trong dịp ngày lễ, Tết (bao gồm cả Tết Nguyên Đán). Làm việc trong ngày Tết/ lễ: được trả ít nhất 300% lương cho thời gian làm việc trong ngày đó, ngoài phần lương nghỉ lễ 100% (tức là tổng thu nhập có thể là 4 lần lương ngày bình thường nếu tính cả lương nghỉ lễ + lương làm việc). Đơn vị dự kiến, 15 ngày trước và sau tết (trong đó có các ngày nghỉ tết theo quy định nhưng người lao động vẫn đi làm việc) Doanh nghiệp sẽ tính mức lương bình quân tăng so với ngày thường là 150%.

Tổng chi phí/chuyến = 23.067.850 đồng

3. Lợi nhuận/chuyến khi lượng khách đạt 100% công suất của 1 chiều:

$$14.444.444 - 23.067.850 = (8.623.406) \text{ đồng}$$

Với 1 chiều đạt 100% công suất thiết kế (giường) và 1 chiều rỗng thì đơn vị sẽ bị lỗ (8.623.406) đồng/chuyến.

IV. Kiến nghị:

Để hoạt động của đơn vị trong 15 ngày trước và sau tết đảm bảo hòa vốn/có lãi Doanh nghiệp dự kiến phụ thu 60% giá vé để bù đắp chi phí cho chiều rỗng. Khi đó, doanh thu sẽ là:

- Giá vé (đã bao gồm 8% thuế VAT) hiện tại: **650.000 đồng**

- Phụ thu 60%: **1.040.000 đồng**

$Q = 24 \text{giường} * 1.040.000 \text{ đồng/vé} = 24.960.000 \text{ đ (đã bao gồm thuế GTGT 8\%)}$

Doanh thu/chuyến = 23.111.111 đồng (Giá trước thuế)

Lợi nhuận/chuyến = 23.111.111 - 23.067.850 = 43.261 đồng

Lúc này hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã đảm bảo hòa vốn và có lãi.

Phường Quy Nhơn Nam, ngày 19 tháng 01 năm 2026

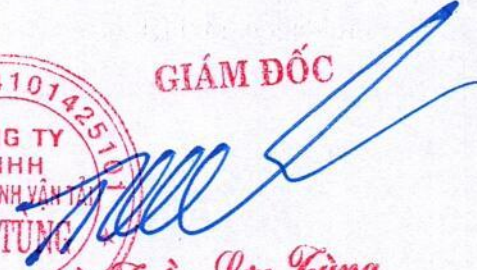
TM.CÔNG TY TNHH KDVT SƠN TÙNG

Người lập


Nguyễn Triệu Phong



GIÁM ĐỐC


Trần Sơn Tùng